

Bản án số: 233/2023/DS-PT.

Ngày 14 - 12 - 2023.

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà.

Bà Đặng Thị Ánh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2023/TLPT - DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2023/QĐ - PT ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị T (T1), sinh năm 1951 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Đặng Thị T (T1) là Luật sư Huỳnh Phước T2 – Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951 (chết ngày 07/7/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C là:

1.1. Bà Đặng Thị T (T1), sinh năm 1951 (có mặt).

1.2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt).

1.3. Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1977 (có mặt).

1.4. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 (có mặt).

1.5. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

1.6. Chị Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Chu Văn A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

1.7. Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Ông Minh N, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nghĩa l chị Phan Ngọc V - sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Lê Văn B, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chị Phan Ngọc V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, tổ F, khu phố E, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt).

7. Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1977 (có mặt).

8. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 (có mặt).

9. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

10. Chị Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Chu Văn A, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

11. Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Phần đất của ông M có nguồn gốc do ông bà để lại, từ sau năm 1975 đến nay thì ông M vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Phần đất ông M sử dụng không có bản đồ giải thửa, ông M không có kê khai đăng ký, các phần đất ông đang quản lý sử dụng do nhà nước tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Khi ông M nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất của ông M bị thiếu

nên ông M có đi khiếu nại, nhưng chưa được giải quyết. Thời gian đó bà Đặng Thị T (T1) ngang nhiên chiếm đoạt phần đất của ông M để xây dựng nhà ở và mở quán nước kinh doanh trên phần đất của ông có diện tích khoảng 1.500m², tại thửa 557, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2023 ông M xác định phần đất ông M tranh chấp với bà T (T1) không phải là thửa đất số 557 của bà T (T1) mà là một phần đất khác ông M chưa được cấp giấy chứng nhận, không có sổ thửa, không có tờ bản đồ do ông M chưa kê khai đăng ký, nên ông không xác định được. Còn thửa đất số 557 là của cha ruột bà T (T1) là ông Đặng Văn C1 để lại cho bà T (T1).

Ông M xác định ông M có tranh chấp đất với ông Lê Văn B nhưng ông M sẽ khởi kiện ở một vụ kiện khác không yêu cầu trong vụ án này, đối với ông Đặng Văn H6 thì ông M không có tranh chấp.

Ông M xác định ông khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T (T1) phải trả lại cho ông phần đất có diện tích 1.500m², không nằm trong thửa 557 của bà Đặng Thị T (T1), nhưng ông M không biết được số thửa, không biết được tờ bản đồ của phần đất tranh chấp nằm ở đâu, do từ trước đến nay phần đất này ông M không kê khai đăng ký.

Tại bảng khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Thị T (T1) trình bày:

Phần đất hiện nay bà T (T1) đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của cha mẹ ruột bà T là ông Đặng Văn C1, sinh năm 1920 (mất năm 1979) và bà Dương Thị S, sinh năm 1920 (mất năm 2005) cho bà T (T1) và chồng là ông Nguyễn Văn C quản lý sử dụng từ trước ngày 30/4/1975. Năm 1982 bà T (T1) kê khai đăng ký trong sổ bộ địa chính, đến ngày 12/11/1993 bà T (T1) được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 802A, diện tích 2.310m², thửa số 802B, diện tích 20m² đất thổ quả và thửa số 855, diện tích

4.510m² đất ruộng 02 lúa, cùng tờ bản đồ số 0002, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Năm 2006 bà T (T1) có chuyển nhượng cho ông Ông Minh N phần đất có diện tích 239m², thuộc một phần của thửa đất số 802A, diện tích chung là 2.310m², đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong, hiện nay ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 09/7/2007 bà T (T1) được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 554, tờ bản đồ số 3, diện tích 2070,5m² đất (trong đó 300 m² đất ở và 1.770,5m² đất trồng cây lâu năm) nay là thửa 557, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình bà T (T1) và ông C sử dụng ổn định, không ai tranh chấp, nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà T (T1) và chồng là ông C phải trả lại cho ông M phần đất có diện tích 1.500m² thì bà T (T1) không đồng ý, vì ông M khởi kiện bà T (T1) là không có căn cứ, do phần đất của bà T (T1) đang quản lý sử dụng nằm cách với phần đất của ông M là quốc lộ E, không có việc bà T lấn chiếm sử dụng đất của ông M.

Tại bảng khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc H1, anh Nguyễn Văn H2, chị Nguyễn Ngọc H4, anh Nguyễn Văn H5, anh Nguyễn Văn H3 cùng thống nhất trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của mẹ các anh chị là bà T (T1), các anh chị không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này, để cho bà T (T1) tự giải quyết.

Tại bảng khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B trình bày:

Ông Bùi có phần đất tại thửa số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.165,8m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc do ông bà để lại, ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993. Nay

ông M tranh chấp quyền sử dụng đất với bà T (T1) nhưng chỉ ranh qua phần đất của ông B đang quản lý, sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B không đồng ý, trên phần đất này ông B đang quản lý, sử dụng và có cất nhà cấp 4 cho con gái là chị Lê Thị Tuyết N1 sử dụng ổn định từ 2021 cho đến nay không ai tranh chấp. Tuy nhiên, ông M xác định ông không tranh chấp với ông Bùi t vụ án này nên ông B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại bảng khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Ngọc V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Ô Minh N trình bày:

Ngày 16/11/2006 ông N có nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị T (T1) phần đất có diện tích 239m², thuộc một phần của thửa đất số 802A, diện tích chung là 2.310m², đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, giữa ông N và bà T (T1) đã lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định, hiện nay ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 160, tờ bản đồ số 8, diện tích 232,2m². Trên phần đất này hiện nay ông N đã xây nhà trọ và sử dụng ổn định cho đến nay. Nay ông Nguyễn Văn M tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Đặng Thị T (T1) nhưng chỉ ranh phần đất tranh chấp qua phần đất của ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N không đồng ý, nhưng ông N cũng không tranh chấp với ông M và bà T (T1) vì việc chuyển nhượng đã được hoàn tất thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, nếu có phát sinh tranh chấp thì giữa ông N và bà T (T1) sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 158 Bộ luật dân sự 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Đặng Thị T (T1) phải trả lại cho ông M phần đất có diện tích 1.500m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Đặng Thị T (T1) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.500m² đất không có sổ thửa, không có tờ bản đồ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 24/8/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Đặng Thị T (T1) phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 1.500m² cho ông M sử dụng theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo. Ông M yêu cầu bà T trả lại cho ông M phần đất tại thửa 180 diện tích 1.500m² nằm ngoài phạm vi đơn khởi kiện. Ông M không có yêu cầu bà T trả lại cho ông tại thửa 557 diện tích 1.500m² theo đơn mà ông M đã khởi kiện.

Bị đơn bà Đặng Thị T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông M.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị P là vợ của ông M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông M buộc bà T trả lại cho ông M phần đất tại thửa 180 diện tích 1.500m² nằm ngoài phạm vi đơn khởi kiện.

Bà Phan Ngọc V, ông Lê Văn B, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Ngọc H1, anh Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Văn H5 không đồng ý với kháng cáo của ông M.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự và Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Do ông M là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:*

[1] Nguồn gốc phân đất tranh chấp: Tại công văn số 88/PTNMT ngày 09/40/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V (BL 102) xác định theo tư liệu bản đồ giải thửa năm 1991 (chương trình đất) bà Đặng Thị T (T1) kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 363 (theo giấy chứng nhận là thửa 802A,B), thửa 557 và thửa 558 thuộc tách thửa 363 (thửa cũ số 802A,B). Đối chiếu tư liệu bản đồ địa chính khu đất (BL97) của bà T hướng từ Trà Vinh đi Vĩnh Long hướng bắc thửa 557, tiếp giáp Quốc lộ E, hướng đông giáp thửa 361, 362 của ông Đặng Văn H6, hướng tây tiếp giáp kênh cống thoát nước qua Quốc lộ E và tiếp giáp thửa 496, 497 của ông Lê Văn B. Ông M không có phần đất nào tiếp giáp tại thửa 557 của bà Đặng Thị T (T1).

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 ông Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T (T1) và ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho ông

phần đất có diện tích 1.500m² tại thửa 557, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn bà Đặng Thị T (T1) và các con của bà T (T1) và ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Phần đất thửa 557 của bà T (T1) được tách từ thửa 363 có nguồn gốc của cha bà để lại, bà T (T1) đã kê khai đăng ký và quản lý, sử dụng ổn định từ sau năm 1975 cho đến nay. Bà T (T1) đã đăng ký kê khai, ngày 12/11/1993 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 802A, diện tích 2310 m², loại đất thổ quả; thửa 802B, diện tích 20m², loại đất thổ quả; thửa 855 diện tích 4.510m², loại đất lúa, các thửa đất cùng tờ bản đồ số 2 và cách với các thửa 808A, 808B và 809 của ông M là Quốc lộ E, ông M không có phần đất nào giáp ranh liền kề với phần đất của gia đình bà T (T1).

[3] Tại các biên bản hòa giải ngày 23/7/2020 (BL 64), biên bản hòa giải ngày 08/02/2022 (BL 80) ông M xác định khởi kiện buộc bà Đặng Thị T (T1) và ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho ông phần đất có diện tích 1.500m² tại thửa 557, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, tại biên bản giải thích ngày 05/6/2023 (BL số 144) ông M xác định phần đất ông tranh chấp với bà T không phải là thửa đất 557 theo đơn khởi kiện mà là phần đất giáp Quốc lộ E không xác định được số thửa, tờ bản đồ, đồng thời xác định ông không tranh chấp với ông Đặng Văn H6, đối với ông Lê Văn B ông M sẽ khởi kiện ở một vụ kiện khác, không tranh chấp trong vụ án này.

Tại bản khai ý kiến ngày 05/6/2023 ông M xác định phần đất ông tranh chấp với bà T (T1) không phải thửa số 557 mà là phần mương lộ và lộ giới giáp Quốc lộ E dài 80m, phần đất tranh chấp không có tờ bản đồ, không có số thửa.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm ông M xác định ông không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông 1.500m² đất tại thửa 557 theo đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý mà yêu cầu bà T (T1) trả lại cho ông 1.500m² tại thửa đất số 180 ở vị trí khác vị trí thửa 557 theo đơn khởi kiện. Xét thấy, việc ông M sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Đặng Thị T (T1) phải trả lại cho ông M phần đất có diện tích 1.500m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông M. Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Ông M được quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để tranh chấp tại thửa 180 khi có yêu cầu.

[4] Xét lời đề nghị của Luật sư Huỳnh Phước T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T (T1) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm

sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông M có kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 158 Bộ luật dân sự 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi; Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu bà Đặng Thị T (T1) phải trả lại cho ông M phần đất có diện tích 1.500m², tại thửa số 557, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Đặng Thị T (T1) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và (1.500m² đất không có sổ thửa, không có tờ bản đồ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu toàn bộ chi phí này. Do ông Nguyễn Văn M đã nộp

tạm ứng đủ 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng), nên không phải nộp thêm.

3. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn M do là người cao tuổi.

Bà Đặng Thị T không phải chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn M do ông M là người cao tuổi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường